TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2018/HSPT
Ngày: 31-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi.
Các thẩm phán: Ông Thân Quốc Hùng
Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khôi - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 113/2018/TLPT-HS ngày 02/7/2018 đối với bị cáo Đỗ Văn M, do có kháng cáo của bị cáo M đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

** Bị cáo:*

Họ và tên: **Đỗ Văn M** (tên gọi khác: không có), sinh năm 1991 tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn B và bà Nguyễn Thị C; Vợ: Nguyễn Thị M1; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt và bị tạm giam từ ngày 26/12/2016 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Trọng Nghĩa - Trợ giúp viên - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

** Bị hại:* Anh Nguyễn Văn M2, sinh năm 1977 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ Chị Ngô Thị V, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
+ Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

** Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957 (Có mặt).
2. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1954 (Có mặt).
3. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/10/2016, Đỗ Văn M sinh năm 1991, ở thôn T, xã B, huyện H đi xe máy chở vợ là chị Nguyễn Thị M1 sinh năm 1993, cùng con trai là Đỗ Anh V1 sinh năm 2013, đi từ nhà đến Bệnh viện đa khoa huyện H để thăm người ốm. Trên đường đi lên bệnh viện thì anh Nguyễn Văn M2 sinh năm 1977 ở cùng thôn (là cậu họ M), gọi điện thoại cho M nhưng lại đưa cho chị Nguyễn Thị Q là nhân viên của quán karaoke "Vườn Vải" nghe, cả anh M2 và Q đều có lời nói xúc phạm M, anh M2 đề nghị M về quán karaoke "Vườn Vải" ở thôn T, xã B để gặp Q và M2 nói chuyện. Khoảng 20 giờ cùng ngày, M đưa vợ con từ Bệnh viện đa khoa huyện H về đến quán karaoke "Vườn Vải", M đỗ xe ở cửa quán, để vợ con ở ngoài và một mình đi bộ vào trong quán. Lúc này, anh Nguyễn Văn Đ1 sinh năm 1977 là chủ quán đã đuổi M về. M ra chỗ để xe và chở vợ con về nhà. Khi về nhà, M có nói với ông Đỗ Văn B sinh năm 1954 (là bố M): "Thằng M2 gặp đâu chém đấy". Sau đó, M gọi điện thoại cho anh M2, nhưng anh M2 không nghe máy, sau đó bị cáo M một mình đi xe máy đến quán karaoke "Vườn Vải" để tìm gặp anh M2. Khi M đang đi ra quán hát thì gặp anh M2 ở cổng làng, anh M2 nói: "Tao đây, mày thích gì?". M hỏi: "Thế ông nói cái gì để cái Q nó gọi điện chửi cháu?". Anh M2 và M quay lại quán karaoke "Vườn Vải" để tìm Q nói chuyện, nhưng anh Đ1 chủ quán không cho vào nên M về nhà.

Sau khi được chị M1 kể lại sự việc khi đi cùng M, thì ông B đã cùng bà Nguyễn Thị C sinh năm 1957 (mẹ M) và chị M1 (vợ M) đi lên quán karaoke "Vườn Vải" (Lúc này M vẫn ở nhà). Khi đến nơi, ông B hỏi anh M2: "Thế hai cậu cháu có chuyện gì thì về nhà nói chuyện". Sau đó, anh M2, ông B, bà C, chị M1 đi về nhà M, lúc này khoảng 21 giờ 30 phút. Khi anh M2 đi xe máy đến nhà M, anh M2 chống chân xe máy, vạch áo ngang ngực và nói: "Tao đi đêm đã nhiều, không thằng nào đánh được tao, tao đang thích thằng đánh đây". Ông B thấy vậy đã đẩy anh M2 ra cổng và đuổi về, nhưng anh M2 không về và vẫn tiếp tục đi vào sân. M ở trong nhà đi ra và xô xát với anh M2 (lúc này ông B đã vào trong nhà vì sợ bị đánh), thấy M và anh M2 xô xát, bà C là mẹ M chạy ra ôm M để ngăn cản không cho hai cậu cháu xô xát nữa. M đẩy bà C ra và chạy ra bờ tường hoa cạnh giếng lấy 01 con dao phay có chiều dài 41 cm (chuôi bằng gỗ dài 12,5 cm, lưỡi dao dài 28,5 cm và rộng 6,8 cm) tiến lại chỗ anh M2. Bà C thấy vậy ôm M từ phía sau lưng để kéo M ra. M vẫn tiếp tục tiến lại gần anh M2, giữa hai bên xảy ra giằng co làm cả

bà C, anh M2 và M cùng bị ngã xuống sân, chỗ ngã cách cổng khoảng 04 m. Khi ngã xuống sân, anh M2 ngồi ngang hơi chếch chéo về phía trước bên tay trái M, còn M ngồi xổm, tay trái vẫn cầm dao. Lúc này, bà C vẫn đang ôm, ghì chặt M ở phía sau. Khi anh M2 đang khom người để đứng dậy, thì M vung dao cầm ở tay chém một nhát trúng vào trán của anh M2. Bà C kéo M ra và đẩy M ra ngoài cổng, đến 22 giờ 15 phút cùng ngày thì M đến Công an xã B, cùng Công an viên của thôn giao nộp con dao mà M dùng chém anh M2và M khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Sau khi bị M chém anh M2 đã được mọi người đưa đi cấp cứu điều trị tại Trạm xá xã B, sau lên Bệnh viện đa khoa S, rồi ra Bệnh viện hữu nghị Việt Đức - Hà Nội từ ngày 11/10/2016 đến ngày 19/10/2016 thì ra viện, sau đó anh M2 chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị tiếp đến ngày 25/10/2016 thì ra viện.

Sau khi nhận được hồ sơ về vụ án vào ngày 13/10/2016 do Công an xã B chuyển lên cùng vật chứng là con dao, Cơ quan Công an huyện H đã tiến hành điều tra, thu thập các chứng cứ theo trình tự, thủ tục để làm rõ vụ án. Sau khi có căn cứ khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can đối với Đỗ Văn M. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xác định hiện trường vụ án, tiến hành trưng cầu giám định thương tích của anh M2, cũng như cơ chế hình thành vết thương, vật gây thương tích cho anh M2.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 7482 ngày 03/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 20%; Cơ chế gây thương tích: Do vật sắc gây nên.

Tại kết luận giám định số 1442 ngày 21/12/2016, kết luận: Vết thương vùng trán anh Nguyễn Văn M2 do vật sắc tạo nên. Tại thời điểm giám định, vết thương vùng trán đã liền sẹo, không xác định được chiều hướng và tư thế gây nên vết thương cho anh M2. Con dao mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H gửi giám định có thể tạo được vết thương vùng trán anh M2.

Do có sự mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng về việc M cầm dao tay nào để gây thương tích cho anh M2, trong các ngày 14/11/2016 và ngày 02/12/2016, Cơ quan điều tra đã tổ chức thực nghiệm điều tra theo lời khai bị can, bị hại và người làm chứng. Kết quả thực nghiệm cho thấy cả ba tình huống, tư thế như mô tả, đều có thể gây nên thương tích cho bị hại. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa những người này, nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Bị cáo M không thừa nhận hành vi gây nên thương tích ở trán của anh M2 như đã nêu trên và kêu bị truy tố oan, bị cáo không có tội.

Tại Bản Cáo trạng số 26/CT - VKS ngày 28/3/2018 của VKSND Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đã truy tố Đỗ Văn M về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 (Tình tiết quy định tại điểm a, i Khoản 1 Điều 134) Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội "Cố ý gây thương tích":

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 (tình tiết quy định tại điểm a, i Khoản 1 Điều 134); Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (26/12/2016).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 590; Khoản 2 Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại là anh Nguyễn Văn M2. Tổng số tiền bồi thường là 50.982.000đ (năm mươi triệu chín trăm tám hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2018 bị cáo Đỗ Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung bản án sơ thẩm xét xử bị cáo đúng người nhưng không đúng tội, bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử và tuyên phạt bị cáo đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xét xử đúng hành vi phạm tội của bị cáo với lý do: Bị cáo không gây thương tích cho anh M2 như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đỗ Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí: Bị cáo Đỗ Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

+ Bị cáo phát biểu lời bào chữa: Kiểm sát viên huyện H thừa nhận tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang là sai khi bắt giữ bị cáo, chiều hướng nào gây ra vết thương cho người bị hại, lời khai người bị hại còn có nhiều mâu thuẫn, bị cáo đã có đơn kêu oan nhiều, bị ép cung.

+ Người bào chữa cho bị cáo M tranh luận: Tòa cấp sơ thẩm tuyên bị cáo M phạm tội là chưa có cơ sở vững chắc, lời khai người bị hại còn có nhiều mâu thuẫn ở tư thế chém, điểm mấu chốt là ai thực hiện hành vi chém, bị hại là người có lỗi, lời khai của bà C là mẹ bị cáo tại phiên tòa bà C cam kết là đúng nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hành vi của bị cáo là không hung hãn, côn đồ như Viện kiểm sát truy tố, hành vi này chỉ là vô ý gây thương tích. Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá kĩ lưỡng về tội danh của bị cáo.

+ Kiểm sát viên đối đáp với bị cáo: Các lí do bị cáo đưa ra để bào chữa là không có căn cứ, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm.

+ Kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa: Không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội "Vô ý gây thương tích", Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo M nói lời sau cùng: Bị cáo không gây thương tích cho người bị hại, bị cáo không có tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn M đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo Đỗ Văn M thấy:

Bị cáo M khai: Khoảng 19 giờ ngày 11/10/2016, sau khi ăn cơm ở nhà, bị cáo cùng vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị M1, con bị cáo là Đỗ Anh V1 sinh năm 2013, đi xe máy (mô tô) lên bệnh viện huyện H thăm người nhà bị ốm, trên đường đi anh Nguyễn Văn M2 (Bị cáo gọi bằng cậu) có điện thoại chửi bới bị cáo, bị cáo có nói ông say rồi, có gì nói chuyện sau, khi lên đến bệnh viện anh M2 có đưa điện thoại của anh M2 cho chị Q là nhân viên của quán Karaoke Vườn Vải, do anh Nguyễn Văn Đ1 làm chủ, điện thoại cho bị cáo và chửi bới bị cáo, sau đó anh M2 có nói trong điện thoại đe dọa bị cáo. Khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo cùng vợ và con về đến quán karaoke Vườn Vải, bị cáo đỗ xe máy ở ngoài quán cùng vợ và con bị cáo. Bị cáo vào quán để gặp anh M2 và chị Q nói chuyện, bị cáo gặp anh Nguyễn Văn Đ1 và có hỏi anh Đ1 xem anh M2 có ở đó không. Anh Đ1đã đuổi bị cáo về, Bị cáo đã chở vợ và con bị cáo về nhà. Về nhà bị cáo có điện thoại cho anh M2, nhưng anh M2 không nghe máy, bị cáo một mình đã điều khiển xe ra quán hát Karaoke của anh Đ1 để tìm gặp anh M2, khi đến cổng làng thì gặp anh M2 đang đi xe máy về, bị cáo và anh M2 quay lại quán của anh Đ1 để tìm chị Q nói chuyện, khi đến quán anh Đ1 không cho bị cáo vào, nên bị cáo quay về và ngồi ở hiên nhà bị cáo hút thuốc lào, uống nước chè. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày 11/10/2016, anh Nguyễn Văn M2 đi xe máy vào nhà bị cáo. Anh M2 chống xe

máy ở sân và vạch áo ngang ngực nói "Tao đã đi đêm nhiều, không thằng nào đánh được Tao. Tao đang thích thằng đánh đây". Bố bị cáo là ông B thấy vậy đã đẩy anh M2 ra cổng và đuổi về, anh M2 không về và tiếp tục lao vào sân, giữa bị cáo và anh M2 đã sảy ra xô sát ru đẩy nhau, anh M2 đã đá bị cáo. Ông B đã tát anh M2 và tiếp tục đuổi anh M2 về và khép cổng lại, anh M2 lại đẩy cổng tiếp tục xông vào sân. Bị cáo lại ru đẩy với anh M2 và bị anh M2 đẩy ngã ra sân, khi ngã bị cáo thấy 01 cái thớt có con dao, bị cáo cầm 01 con dao phay (Lúc đó bị cáo không biết là con dao), bị cáo cầm dao bằng tay trái (Lúc này ông B đưa con bị cáo vào trong nhà), bà C là mẹ bị cáo thấy vậy đã ra ôm bị cáo, tay trái bà C ôm ghì bị cáo, tay phải bà C giằng con dao phay từ tay trái của bị cáo và quăng vất ra vườn, bị cáo cho rằng lúc bà C giằng và quăng dao ra vườn, đã gây vết thương ở trán của anh M2 làm chảy máu. Bị cáo sau đó bỏ ra ngoài cổng, sau khi anh M2 bị thương chảy máu, thì bố bị cáo là ông B và anh D là hàng xóm đã đưa anh M2 đi cấp cứu. Bị cáo cũng nói với mẹ bị cáo là bà C và vợ bị cáo là chị M1 đến thăm anh M2. Bị cáo không thừa nhận đã dùng con dao phay chém anh M2.

Bà Nguyễn Thị C khai nhận, khi anh M2 đánh ngã M, bà thấy M dậy và cầm con dao phay tiến lại phía anh M2, bà đã ôm bị cáo M ở phía sau, sau đó ôm sườn phải của bị cáo M. Tay trái của bà C ôm ghì M, bà C đã dùng tay phải giằng được con dao phay từ tay trái của bị cáo M và quăng vòng trước mặt M, theo chiều đầu con dao chúi xuống dưới sân gạch, để vất con dao ra vườn, lúc này anh M2 bị ngã và đang khom người đứng dậy, tay cũng cầm túm tay M để giằng con dao, lúc vất con dao không biết có va vào trán anh M2 không.

Anh M2 trình bày về thời gian địa điểm sảy ra vụ việc như bị cáo M đã trình bày, khi vào nhà M, anh bị ông B tát và đuổi về, giữa anh M2 và bị cáo M có ru đẩy và cả hai bị ngã, ông B, bà C đã giữ tay kéo Anh dậy, lúc này M chạy đi lấy con dao phay và chém vào trán Anh, sau đó bị cáo M đã vất con dao ra vườn và bỏ đi. Sau khi bị chém, bị chảy máu nhiều, anh được anh D là hàng xóm và ông B đưa đi cấp cứu.

Lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng trước đó tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định pháp y về tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh M2, kết luận giám định về cơ chế hình thành vết thương của anh M2, vật chứng là con dao phay gửi đi giám định, qua thực nghiệm hiện trường vụ án, thực nghiêm điều tra, sự mâu thuẫn, không nhất quán trong lời khai của người làm chứng là bà C tại các phiên tòa (do bà C và bị cáo có quan hệ mẹ con), không phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại.

Qua sự thừa nhận của bị cáo, bị hại, người làm chứng về việc bị cáo có cầm con dao phay khi du đẩy với bị hại, lời khai ban đầu của bị cáo, bị hại, người làm chứng về việc bị cáo M cầm dao tay trái đã chém vào trán của anh M2 gây nên thương tích. Tại kết luận giám định số 7482/16/TgT ngày 03/11/2016 và kết luận

giám định số 1442/KL-PC54 ngày 21/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh M2là 20%, do vật sắc gây nên.

Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi gây thương tích cho anh M2. Nhưng căn cứ các chứng cứ đã thu thập, căn cứ vào kết luận giám định pháp y, và những lời khai ban đầu của bị cáo, bị hại, người làm chứng, thực nghiệm điều tra, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với vết thương trên trán của anh M2. Do vậy đủ căn cứ xác định bị cáo M đã gây nên vết thương ở trán của anh M2.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến thân thể, gây tổn hại sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và là người có ích cho gia đình và xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và ra bản án là có căn cứ đúng pháp luật. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không đưa được ra tài liệu, chứng cứ nào mới cho rằng mình bị xét xử không đúng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 (Tình tiết quy định tại điểm a, i Khoản 1 Điều 134); Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 42 (bốn mươi hai) tháng tù , thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (26/12/2016).

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 590; Khoản 2 Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại là anh Nguyễn Văn M2. Tổng số tiền bồi thường là 50.982.000đ (năm mươi triệu chín trăm tám hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án, phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm cho bị cáo Đỗ Văn M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi